TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HS-ST.
Ngày 21-02-2025.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Ngọc Minh.

Ông Đinh Ngọc Dình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị P Hồng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2025/HSST ngày 21 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2025, đối với:

- Bị cáo:

1. Phan Văn S, tên gọi khác: S Heo, sinh năm 1984, nơi cư trú: Số 719B/3, ấp T, xã P, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Nghề nghiệp: không. Trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn M và bà Huỳnh Thị C (đã chết). Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Ngọc H, bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2023.

Tiền sự: Ngày 06/9/2024, bị cáo bị Công an xã Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Long An phạt hành chính số tiền là 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo chưa nộp phạt.

Tiền án: Ngày 15/3/2019, bị cáo bị TAND thành phố Tân An, tỉnh Long An, xử phạt tù 9 tháng, về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 30/03/2020, bị cáo chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2019/HSST, bị cáo chưa được xóa án tích.

Nhân thân:

- Ngày 25/11/2017, bị cáo bị Công an Phường 4, thành phố Tân An, tỉnh Long An, phạt hành chính với số tiền là 1.500.000 đồng, về hành vi "Trộm cắp tài sản", bị cáo đã chấp hành xong;

- Ngày 01/02/2018, bị cáo bị Công an huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, phạt hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong ngày 09/02/2018.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/10/2024 đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Thái Tấn P, tên gọi khác: không có, sinh năm 1987, nơi cư trú: Ấp 5, xã H, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: không. Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Hồng B (đã chết) và bà Nguyễn Thị B. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 29/01/2021, TAND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xử phạt 10 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản"; Ngày 23/9/2021, TAND thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xử phạt 01 năm 09 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt của 02 Bản án trên Thái Tấn P phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm 07 tháng tù, chấp hành xong án phạt tù ngày 29/01/2023, chưa được xóa án tích.

Nhân thân:

- Ngày 29/12/2010, Công an huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, phạt tiền 2.000.000 đồng, về hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong.

- Ngày 17/11/2014, bị Công an phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, phạt tiền 750.000 đồng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 14/4/2015.

- Ngày 27/10/2006, TAND Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội "Cướp giật tài sản", chấp hành xong án phạt tù được đặc xá vào ngày 25/10/2007, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/9/2024 đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- *Bị hại*:

1. Ông Nguyễn Văn T sinh năm 1978, nơi cư trú: Số nhà 340/3, ấp B, xã Q, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

2. Bà Trà Thị Thu H, sinh năm 1978, nơi cư trú: Số nhà 340/3, ấp B, xã Q, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Duy A, sinh năm 1997, địa chỉ: Số 7/3, đường C, khu phố B, Phường 5, thành phố Tân An, tỉnh Long An. (vắng mặt)

2. Ông Hồng Nhật K, sinh năm 1973, địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

3. Bà Bùi Thị Mộng T, sinh năm 1983, địa chỉ: Số nhà 3/9, đường T, Phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An. (vắng mặt)

4. Bà Thái Hồng M, sinh năm 1978, địa chỉ: Số nhà 932, ấp V, xã An Vĩnh Ngãi, thành phố Tân An, tỉnh Long An. (có mặt)

5. Ông Tống Ngọc S, sinh năm 1979, địa chỉ: Ấp 2, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

- *Người làm chứng*: Ông Lê Minh Q, sinh năm 1980, địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 25/9/2024, tại nhà của ông Lê Minh Q (Ấp 3, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Long An), bị cáo Phan Văn S nhờ bị cáo Thái Tấn P chở bị cáo Phan Văn S đến nhà của ông Nguyễn Văn T (ấp B, xã Q, huyện Châu Thành, tỉnh Long An) để xin việc làm, bị cáo P điều khiển xe mô tô biển số 62S1-010.98 (xe của bà Thái Hồng M là chị ruột của bị cáo P) để chở bị cáo S đến nhà ông T. Khi đến phía trước nhà ông T, bị cáo S bảo bị cáo P ở ngoài chờ bị cáo S, bị cáo S đi bộ vào nhà ông T để xin việc làm, bị cáo P chạy xe một đoạn và đậu cách cửa cổng rào nhà ông T khoảng 15 mét. Không xin được việc làm, bị cáo S đi ra, bị cáo S nhìn thấy xe mô tô biển số 62B1-261.65 của ông T, trên xe có sẵn chìa khóa, xe dựng trong sân nhà, bị cáo S nảy sinh ý định trộm xe bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo S dẫn xe mô tô biển số 62B1-261.65 ra tới cổng rào, khởi động máy và chạy về. Lúc này, bị cáo S kêu bị cáo P về thì bị cáo P mới biết bị cáo S trộm xe, bị cáo S và bị cáo P chạy xe về nhà ông Q. Bị cáo P và bị cáo S kêu ông Q cầm xe mô tô biển số 62B1-261.65 với số tiền 1.000.000 đồng, nhưng ông Q không có tiền nên không cầm. Sau đó, bị cáo S điện thoại cho ông Nguyễn Duy A để cầm xe, bị cáo S và bị cáo P điều khiển xe chạy đến nhà ông Nguyễn Duy A ở khu phố B, Phường 5, thành phố Tân An, tỉnh Long An để cầm xe mô tô biển số 62B1-261.65 cho ông Nguyễn Duy A với số tiền 1.500.000 đồng. Bị cáo S chia bị cáo P số tiền là 1.000.000 đồng để bị cáo P trả tiền cầm điện thoại. Số tiền còn lại bị cáo S giữ tiêu xài cá nhân. Đến sáng ngày 26/9/2024, bị cáo S kêu bị cáo P bán xe mô tô biển số 62B1-261.65 với số tiền 3.000.000 đồng thì bị cáo P đồng ý mua. Bị cáo P điều khiển xe mô tô AIRBLADE biển số 62S1-010.98 chở bị cáo S đến nhà của ông Nguyễn Duy A thế chấp xe mô tô AIRBLADE biển số 62S1-010.98 và lấy xe 62B1-261.65 bán cho bị cáo P, bị cáo P trên đường chạy xe về nhà xin tiền trả tiền mua xe thì bị Cơ quan Công an phát hiện và đưa về trụ sở làm việc.

Tại Kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐG ngày 27/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu DAEHAN, loại NOVA 100 màu sơn xanh, biển số 62B1-261.65 đăng ký sử dụng năm 2015 có giá trị định giá 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành thu giữ vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu DAEHAN, loại NOVA100 màu sơn xanh, biển số 62B1-261.65.

- 01 xe mô tô AIRBLADE, màu đỏ bạc, biển số 62S1-010.98, số máy: JF27E0762074, số khung: RLHJF2704BY050831.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Nguyễn Văn T 01 xe mô tô nhãn hiệu DAEHAN, loại NOVA100 màu sơn xanh, biển số 62B1-261.65.

Vật chứng hiện đang tạm giữ chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành quản lý để đảm bảo việc xét xử và thi hành án là 01 xe mô tô AIRBLADE, màu đỏ bạc, biển số 62S1-010.98, số máy: JF27E0762074, số khung: RLHJF2704BY050831.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKSCT ngày 20 tháng 01 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An truy tố bị cáo Phan Văn S, về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Thái Tấn P, về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Phan Văn S và Thái Tấn P thành khẩn khai báo, phạm tội gây thiệt hại không lớn. Bị cáo Thái Tấn P có ông ngoại tên Nguyễn Văn K là liệt sỹ. Các bị cáo Thái Tấn P, Phan Văn S có một tiền án chưa được xóa án tích tiếp tục phạm tội cố ý thuộc trường hợp tái phạm.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn T sau khi nhận tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm. Ông Nguyễn Duy A không yêu cầu bồi thường số tiền các bị cáo P và S cầm xe mô tô biển số 62B1-261.65 với số tiền 1.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo Phan Văn S, về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Thái Tấn P, về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phan Văn S phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, các điểm s, h khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phan Văn S với mức án từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung vì bị cáo không có tài sản, không có thu nhập.

- Tuyên bố bị cáo Thái Tấn P phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Áp dụng khoản 1 Điều 323, Điều 38, Điều 50, các điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Thái Tấn P với mức án từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung vì bị cáo không có tài sản, không có thu nhập.

- Tiếp tục tạm giam các bị cáo Phan Văn S và Thái Tấn P với thời hạn là 45 (bốn mươi lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, để đảm bảo việc thi hành án

- Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Xử lý vật chứng: Trả lại cho bà Thái Hồng M 01 xe mô tô AIRBLADE, màu đỏ bạc, biển số 62S1-010.98, số máy: JF27E0762074, số khung: RLHJF2704BY050831.

Các bị cáo không tranh luận với lời luận tội và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Phan Văn S và Thái Tấn P phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 25 tháng 9 năm 2023, bị cáo Phan Văn S thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T 01 xe mô tô nhãn hiệu DAEHAN, biển số 62B1-261.65, có giá trị là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), là bị cáo Phan Văn S đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Phan Văn S nhờ bị cáo Thái Tấn P chở bị cáo Phan Văn S đi xin việc làm, sau khi bị cáo Phan Văn S trộm cắp xe mô tô biển số 62B1-261.65 xong thì bị cáo P mới biết bị cáo S trộm cắp tài sản, nên bị cáo Thái Tấn P không phải là đồng phạm với bị cáo S về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Thái Tấn P thực hiện hành vi là cùng với bị cáo Phan Văn S mang xe mô tô nhãn hiệu DAEHAN, biển số 62B1-261.65 do bị cáo Thái Tấn P trộm cắp đi cầm lấy tiền tiêu xài và bị cáo Thái Tấn P thỏa thuận với bị cáo Phan Văn S mua xe mô tô biển số 62B1-261.65 với số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), là bị cáo Thái Tấn P đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[3] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An truy tố các bị cáo Phan Văn S và Thái Tấn P với tội danh, điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Phan Văn S và hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của bị cáo Thái Tấn P là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa P. Do đó, cần có hình phạt nghiêm minh đối với các bị cáo nhằm răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không

lớn, bị cáo Thái Tấn P có ông ngoại tên Nguyễn Văn K là liệt sỹ. Các bị cáo Thái Tấn P, Phan Văn S có một tiền án, chưa được xóa án tích tiếp tục phạm tội cố ý, nên thuộc trường hợp tái phạm, nên khi quyết định hình phạt căn cứ Điều 50 của Bộ luật hình sự, cần áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định khung hình phạt phải áp dụng; các điểm s, h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự quy định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự quy định tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự để tuyên cho bị cáo Phan Văn S hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo; cần áp dụng khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự quy định khung hình phạt phải áp dụng; các điểm s, h khoản 1 Điều và khoản 2 Điều 51, của Bộ luật hình sự quy định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự quy định tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự để tuyên cho bị cáo Thái Tấn P hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo. Các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Tiếp tục tạm giam các bị cáo Phan Văn S và Thái Tấn P với thời hạn là 45 (bốn mươi lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, để đảm bảo việc thi hành án.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn T sau khi nhận tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm, ông Nguyễn Duy Anh không yêu cầu bồi thường số tiền các bị cáo P và S cầm xe mô tô biển số 62B1-261.65 với số tiền 1.500.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bà Thái Hồng M 01 xe mô tô AIRBLADE, màu đỏ bạc, biển số 62S1-010.98, số máy: JF27E0762074, số khung: RLHJF2704BY050831, do bị cáo Thái Tấn P tự ý điều khiển và sau đó thực hiện hành vi phạm tội, không được sự đồng ý của bà Thái Hồng M.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An về trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân của các bị cáo nên chấp nhận.

[8] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và các Điều 21, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn S phạm tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo Thái Tấn P phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, các điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Phan Văn S 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời gian tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giam, là ngày 05 tháng 10 năm 2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, Điều 38, Điều 50, các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Thái Tấn P 01 (một) năm tù, thời gian tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giam, là ngày 27 tháng 9 năm 2024.

Căn cứ Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam các bị cáo Phan Văn S và Thái Tấn P với thời hạn là 45 (bốn mươi lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, để đảm bảo việc thi hành án.

Vật chứng: Căn cứ các Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bà Thái Hồng M 01 xe mô tô AIRBLADE, màu đỏ bạc, biển số 62S1-010.98, số máy: JF27E0762074, số khung: RLHJF2704BY050831, do chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21 tháng 01 năm 2025.

Án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, các Điều 21, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Phan Văn S và Thái Tấn P mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Tùng